

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192,196,205,382	217,004,364,990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,180,266,996	823,213,630
1. Tiền	111		3,180,266,996	823,213,630
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66,442,650,079	29,545,362,712
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	59,137,400,761	16,694,641,097
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4,308,034,043	12,229,045,501
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2,997,215,275	621,676,114
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		121,234,480,545	181,209,900,269
1. Hàng tồn kho	141	V.5	121,234,480,545	181,209,900,269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,338,807,762	5,425,888,379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,338,807,762	2,146,081,454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	687,734,360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	-	2,592,072,565
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70,935,973,898	65,418,819,299
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		48,312,311,736	39,269,896,843
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	40,108,914,379	29,464,760,835
	<i>Nguyên giá</i>	222		46,392,757,758	33,607,995,112
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6,283,843,379)	(4,143,234,277)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	8,182,611,603	9,394,844,990
	<i>Nguyên giá</i>	225		12,122,333,890	12,122,333,890
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(3,939,722,287)	(2,727,488,900)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20,785,754	23,392,877
	<i>Nguyên giá</i>	228		26,000,000	26,000,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,214,246)	(2,607,123)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		386,898,141
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22,426,895,667	25,773,445,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	22,426,895,667	25,773,445,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		196,766,495	375,477,456
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	196,766,495	375,477,456
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263,132,179,280	282,423,184,289
	NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		167,591,444,192	206,480,721,895
I. Nợ ngắn hạn		310		164,557,557,900	199,522,967,664
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	149,592,510,871	158,036,057,764
2.	Phải trả người bán	312	V.15	5,504,868,191	12,583,386,994
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.16	3,795,516,300	27,725,989,018
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	3,277,960,902	59,578,228
5.	Phải trả người lao động	315		242,935,274	410,810,301
6.	Chi phí phải trả	316	V.18		685,451,252
7.	Phải trả nội bộ	317		2,132,914,571	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	10,851,791	21,694,107
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn		330		3,033,886,292	6,957,754,231
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-

3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	1,629,441,999	5,546,798,726
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	1,397,862,308	1,397,862,308
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6,581,985	13,093,197
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95,540,735,088	75,942,462,394
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	95,540,735,088	75,942,462,394
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		81,949,970,000	64,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,235,030,000	10,185,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,355,735,088	1,257,462,394
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263,132,179,280	282,423,184,289

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

12 tháng năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	193,377,188,724	163,828,298,862
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6,262,416,381	241,255,238
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		187,114,772,343	163,587,043,624
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	154,575,905,336	128,363,111,891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32,538,867,007	35,223,931,733
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41,203,436	2,611,474,417
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19,795,800,612	24,093,378,162
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,201,210,349	15,982,074,245
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,222,540,346	6,240,588,748
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,205,994,397	6,709,868,680
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,355,735,088	791,570,560
11. Thu nhập khác	31	VI.7		307,061,648
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40			307,061,648
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,355,735,088	1,098,632,208
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4,355,735,088</u>	<u>1,098,632,208</u>

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cường

Đơn vị: Công ty Cổ phần ô tô Giải Phóng
Địa chỉ: 539 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

12 tháng năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	A	0
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	150,734,752,156
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-75,612,948,179
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	1,858,586,383
4. Tiền chi trả lãi vay	04	13,482,455,345
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7,428,747,558
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	18,375,042,368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	200,060,363,797
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	B	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	259,720,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3,601,269,333
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3,341,549,333
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	C	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	
doanh nghiệp đã phát hành	32	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	50,209,850,996
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	249,980,377,864
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	1,274,332,896
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-201,044,859,764
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2,357,053,366
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	823,213,630
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3,180,266,996

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Hoạt động chính của công ty là** : Sản xuất kinh doanh phụ tùng, lắp ráp xe gắn máy hai bánh, ô tô tải nhẹ, xe chở khách;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 9 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo số thực tế phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí bảo sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Vốn cổ phần

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2010).

Năm 2009, Công ty đang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	12.905.726	73.204.417
Tiền gửi ngân hàng	3.167.361.270	750.009.213
Cộng	<u>3.180.266.996</u>	<u>823.213.630</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thành Tâm	8.606.303.109	3.363.330.498
Công ty TNHH Đông Đô	11.334.270.627	2.468.587.660
Công ty TNHH Tuấn Nam Trang	5.152.205.778	2.225.056.275
Công ty TNHH Đại Phát Hăng	1.405.881.375	2.213.484.070
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Tuyến	1.148.823.189	1.851.948.564
Công ty TNHH Thiên Phú	559.089.697	1.720.419.999
Công ty Cổ phần Ô tô Yuejin Việt Nam	17.527.599.959	-
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Quân	1.245.529.405	483.753.996
Công ty TNHH An Lộc Phát	601.232.923	480.911.620
Doanh nghiệp ô tô Hoàng Hải	637.933.248	416.582.500
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	57.153.029	411.467.527
Công ty TNHH Năm Châu Duy Nhất	123.001.999	202.430.499
Công ty TNHH TM và DV An Phúc	331.202.000	107.866.625
Công ty TNHH Nam Mai	157.765.695	138.217.050
Cty CP Thương Mại BMW	276.818.239	
Công ty TNHH MTV Thái Bình	548.250.496	-
Cty TNHH TMDV Ngọc Hà	303.715.001	-
Công ty Hoàng Lợi	152.312.931	178.543.008
Công ty TNHH ô tô CaLi	6.776.323.487	
Cty TNHH SXTM DV Tín Nghĩa	461.000.000	
Cty TNHH Nguyễn Đức Thịnh	365.909.503	
Các khách hàng khác	1.365.079.071	432.041.206
Cộng	<u>59.137.400.761</u>	<u>16.694.641.097</u>

3. Trả trước cho người bán

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Xuất nhập khẩu China FAN	979.399.830	12.147.043.500
Công ty CPThiết bị Tân Phát	150.000.000	62.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn	55.000.000	-
Nanjing Automobile Import & Export Co.,Ltd	2.685.724.933	
Các khách hàng khác	56.595.760	20.002.001
Cộng	4.308.034.043	12.229.045.501

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cho thuê tài chính NH Ngoại Thương	81.025.316	146.547.112
Nguyễn Văn Chiến	420.000.000	410.000.000
Công ty Long Giang	48.660.000	2.803.724
Phải thu khác	32.078.505	62.325.278
Cộng	581.763.821	621.676.114

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.903.490.776	15.582.221.405
Công cụ, dụng cụ	40.389.909	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.582.344.826	11.592.086.517
Thành phẩm	26.699.896.121	50.820.613.445
Hàng hóa	8.027.674.074	3.514.014.319
Hàng gửi đi bán	71.980.684.839	99.700.964.583
Cộng	121.234.480.545	181.209.900.269

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Cộng cụ, dụng cụ	108.050.654	104.005.243	91.878.435	120.177.462
Chi phí vận chuyển	2.007.130.800	1.218.630.300	2.007.130.800	1.218.630.300
Chi phí bảo hiểm	30.900.000		30.900.000	0
Cộng	2.146.081.454	1.322.635.543	2.129.909.235	1.338.807.762

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.780.929.831	1.810.979.614
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	634.521.623	781.092.951
Cộng	2.415.451.454	2.592.072.565

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số đầu năm	26.330.424.363	4.782.422.622	1.708.903.761	774.244.366	12.000.000	33.607.995.112
Tăng do mua sắm	-	12.041.821.116		13.628.571	-	12.055.449.687
Xây dựng cơ bản hoàn thành	729.312.959	-	-	-	-	729.312.959
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	27.059.737.322	16.824.243.738	1.708.903.761	787.872.937	12.000.000	46.392.757.758
<i>Giá trị hao mòn</i>						
Số đầu năm	2.224.771.603	1.258.001.252	330.214.579	325.346.843	4.900.000	4.143.234.277
Khấu hao trong năm	1.216.757.538	776.287.744	78.850.560	66.353.260	2.360.000	2.140.609.102
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.441.529.141	2.034.288.996	409.065.139	391.700.103	7.260.000	6.283.843.379
<i>Giá trị còn lại</i>						
Số đầu năm	24.105.652.760	3.524.421.370	1.378.689.182	448.897.523	7.100.000	29.464.760.835
Số cuối năm	23.618.208.181	14.789.957.742	1.299.838.622	396.172.834	4.740.000	40.108.914.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc và thiết bị

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	12.122.333.890	2.727.488.900	9.394.844.990
Tăng trong năm		1.212.233.387	
Giảm trong năm	-	-	(1.212.233.387)
Số cuối năm	12.122.333.890	3.939.722.287	8.182.611.603

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	26.000.000	2.607.123	23.392.877
Giảm trong năm	-	2.607.123	2.607.123
Số cuối năm	26.000.000	5.214.246	20.785.754

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định XDCB dở dang	-	-	-	-
Công trình Trụ sở Minh Khai	-	-	-	-
Công trình nhà máy ô tô Giải Phóng	386.898.141	342.414.818	729.312.959	-
Công trình đường nội bộ	-	-	-	-
Công trình Nhà nạp điện ắc quy	-	-	-	-
Nhà trà nhám	-	-	-	-
Văn phòng nhà xưởng và nhà kho	-	-	-	-
Cộng	386.898.141	342.414.818	729.312.959	

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	2.880.000.000	2.880.000.000
<i>Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Yuejin Việt Nam</i>	<i>2.880.000.000</i>	<i>2.880.000.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	19.546.895.667	22.893.445.000
<i>Đầu tư vào Dự án khu đô thị Hà Tây(Ủy thác đầu tư qua công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang)</i>	<i>19.546.895.667</i>	<i>22.893.445.000</i>
	22.426.895.667	25.773.445.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	335.987.579		158.966.023	177.021.556
Chi phí sửa chữa tài sản	39.489.877		19.744.938	19.744.939
Cộng	375.477.456		178.710.961	196.766.495

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		152.611.724.868
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	14.741.222.520	16.589.481.940
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Đa	17.938.700.000	4.060.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Đồng Đa	27.812.307.743	36.059.530.794
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Thăng Long	9.494.347.110	19.981.929.000
Ngân hàng NN&PTNN - CN Tây Hồ		9.328.004.162
Ngân hàng NN&PTNN - CN Hồng Hà	72.933.953.969	50.288.778.972
Ngân hàng NN&PTNN - CN Thanh Thủy	4.377.479.529	16.304.000.000
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam		
Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác		4.150.000.000
Đoàn Thị Hậu		-
Đoàn Thị Hương Giang		-
Nguyễn Văn Hào	2.390.000.000	4.150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả		-
Cộng	149.592.510.871	158.036.057.764

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nanjing Automobile I&Ex		7.015.745.250
Công ty TNHH TM Sao Sơn Dương		1.758.459.377
Công ty TNHH Sơn Liên Hợp	263.644.386	1.137.703.992
Nguyễn Kỳ Xuân		1.027.654.942
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Thuận Phát		363.798.860
Ngô Văn Mùi	44.175.126	255.065.186
Công ty TNHH An Bình Giang		215.531.300
Công ty TNHH TM tổng hợp PT		156.647.000
Công ty Thiết bị CN Đa Ngành	81.025.267	155.160.000
Công ty TNHH Sơn Phương Khang		129.325.990
Công ty Yuejin	1.919.810.219	
ShiYan Kunxin Automobile Trade Co., Ltd	2.517.347.275	-
Các đối tượng khác	678.865.918	368.295.097
Cộng	5.504.868.191	12.583.386.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ôtô Yuejin Việt Nam		24.180.688.707
Công ty Cổ phần Việt Hà	1.739.745.746	2.304.879.001
Công ty TNHH ô tô Đăklăc	230.597.864	237.424.364
Công ty TNHH TM&DV Đông Đô	32.803.548	188.472.500
Công ty TNHH Nguyễn Đức Thịnh		167.811.000
Cửa hàng Nông ngư cơ Ngọc Chiến	80.000.000	111.105.254
Công ty TNHH TMDV Tân Quang		100.900.000
Công ty TNHH Trung Sơn	94.940.400	100.000.400
Công ty TNHH TM & DV Ngọc Hà		66.614.999
Công ty KDSX ô tô, xe máy Hà Nội		50.000.000
Công ty TNHH giếng Đáy Hạ Long	90.821.751	-
DNTN Kim Hưng Thịnh	188.918.000	-
Công ty TNHH Ngọc Hùng	132.984.750	-
DNTN Tân Nhật Trung	110.200.000	
Cty TNHH Tuấn Nguyễn	267.406.800	
Khách hàng khác	827.097.441	218.092.793
Cộng	<u>3.795.516.300</u>	<u>27.725.989.018</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn		3.842.316
Phải trả phải nộp khác		10.851.791
<i>Nguyễn Quốc Phương</i>		-
<i>Cáo Sỹ Oánh</i>		-
<i>Bùi Ngọc Thiện</i>	10.851.791	10.851.791
<i>Phải trả khác</i>		7.000.000
Cộng	<u>10.851.791</u>	<u>21.694.107</u>

18. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là khoản nhận ký cược dài hạn của các đại lý	1.629.441.999	5.546.798.726

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế	-	
Vay dài hạn Ông Nguyễn Văn Hào	-	
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	1.397.862.308	1.397.862.308
Cộng	<u>1.397.862.308</u>	<u>1.397.862.308</u>

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cương